

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

ĐỖ THỊ MẾN

MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI
CHI NHÁNH NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
TỈNH ĐẮK LẮK

CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH

MÃ SỐ : 60.34.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

ĐÀ NẴNG - Năm 2010

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS NGUYỄN THỊ NHƯ LIÊM

Phản biện 1: PGS.TS. Võ Xuân Tiến

Phản biện 2: GS.TS. Hồ Đức Hùng

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 2
tháng 10 năm 2010

** Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu.

Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế đang được đẩy nhanh, nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển mở ra triển vọng cho nền kinh tế Việt nam; bên cạnh vận hội đó, Việt Nam còn phải đương đầu với nhiều thách thức lớn. Một trong những thách thức đó chính là vấn đề đói nghèo và sự phân hoá giàu nghèo đang diễn ra ngày một sâu sắc, khoảng cách giàu nghèo ngày càng rộng. Vì vậy, một yêu cầu đặt ra đối với toàn Đảng, toàn dân là đi đôi với phát triển kinh tế - xã hội phải thực hiện thành công chương trình mục tiêu quốc gia về xoá đói giảm nghèo. Một trong những biện pháp để thực hiện thành công chương trình này là Chính phủ đã có Quyết định số 131/2002/QĐ-TTg thành lập Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH).

Xuất phát từ yêu cầu thực tế nêu trên, tôi chọn đề tài "*Mở rộng tín dụng ưu đãi tại Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Tỉnh Đắk Lắk*" làm đề tài nghiên cứu, nhằm tìm ra những giải pháp góp phần mở rộng tín dụng ưu đãi đối với NHCSXH cả nước nói chung và Đắk Lắk nói riêng. Đây không chỉ là vấn đề quan tâm của lãnh đạo các cấp trong hệ thống NHCSXH, của các nhà điều hành hoạt động Ngân hàng mà còn là vấn đề quan tâm của Chính phủ và các cơ quan quản lý tài chính Nhà nước.

2. Mục đích nghiên cứu.

Nghiên cứu về tín dụng ưu đãi NHCSXH; Phân tích thực trạng về việc mở rộng tín dụng ưu đãi của NHCSXH tỉnh Đắk Lắk,

trên cơ sở đó đề xuất một số giải pháp mở rộng tín dụng ưu đãi, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của NHCSXH tỉnh Đắk Lắk.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.

- Đối tượng: Tập trung nghiên cứu về tín dụng ưu đãi và mở rộng quản lý tín dụng ưu đãi tại NHCSXH Tỉnh Đắk Lắk.

- Phạm vi nghiên cứu: Chi nhánh NHCSXH Tỉnh Đắk Lắk.

- Về mặt thời gian: Đánh giá kết quả hoạt động tín dụng ưu đãi từ năm 2005 đến 2009. Định hướng mở rộng tín dụng ưu đãi từ 2010 đến 2015.

4. Phương pháp nghiên cứu.

Luận văn sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu sử dụng phương pháp thống kê, khảo sát thực tế và phân tích đánh giá gắn với các điều kiện thực tiễn của địa phương.

5. Kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, luận văn được chia làm 3 chương:

Chương 1: Tín dụng ưu đãi và mở rộng tín dụng ưu đãi tại NHCSXH.

Chương 2: Thực trạng mở rộng tín dụng ưu đãi tại Chi nhánh NHCSXH Tỉnh Đắk Lắk.

Chương 3: Một số giải pháp mở rộng tín dụng ưu đãi tại Chi nhánh NHCSXH Tỉnh Đắk Lắk.

CHƯƠNG 1 : TÍN DỤNG ƯU ĐÃI VÀ MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI NHCSXH

1.1. TÍN DỤNG ƯU ĐÃI:

1.1.1. Các khái niệm:

1.1.1.1. Khái niệm về nghèo:

Nghèo là vấn đề toàn cầu. Phải khẳng định rằng không có sự thống nhất tuyệt đối khái niệm nghèo đói, do bản thân quan niệm về nghèo đói đã thay đổi nhanh chóng trong mấy thập kỷ vừa qua.

Nghèo là một khái niệm dùng để chỉ mức sống của một nhóm người, một cộng đồng, một số quốc gia thấp hơn so với mức sống của một nhóm người, một cộng đồng hay một số quốc gia khác theo một chuẩn mực nhất định nào đó được coi là giàu hơn.

Chuẩn mực phân loại hộ nghèo

Chuẩn nghèo là công cụ để phân biệt người nghèo và người không nghèo. Hầu hết chuẩn nghèo dựa vào thu nhập hoặc chi tiêu.

Ngày 08 tháng 7 năm 2005 Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg về việc ban hành chuẩn nghèo áp dụng cho giai đoạn 2006-2010 như sau:

- Khu vực nông thôn: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng (2.400.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

- Khu vực thành thị: những hộ có mức thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng (dưới 3.120.000 đồng/người/năm) trở xuống là hộ nghèo.

Để phân biệt rõ về hộ nghèo và các đối tượng khác đề cập trong luận văn này, có thể tóm tắt nhận dạng hộ vay như sau:

STT	ĐỐI TƯỢNG	NHẬN DẠNG
1	Hộ nghèo	Hộ có TNBQ: Ở nông thôn: 200.000 đồng/người/tháng; Ở thành thị: 260.000 đồng/người/tháng.
2	Hộ cận nghèo	Hộ có TNBQ bằng 150% chuẩn nghèo.
3	Hộ sinh sống ở nông thôn	Trừ những hộ sinh sống tại thị trấn, thị xã, thành phố.
4	Hộ sinh sống ở vùng khó khăn	Những hộ nằm trong danh mục trong Quyết định 30/2007/TTg ngày 05/3/2007
5	Hộ tạo việc làm	Những hộ không có việc làm
6	Đối tượng khác	Người có công, người sau cai nghiện...Cơ sở dạy nghề; cơ sở SXKD...

Sự cần thiết phải xóa đói giảm nghèo

Nghèo đói đi liền với lạc hậu, chậm phát triển là trở ngại lớn đối với phát triển. Nói một cách khác, XĐGN là tiền đề của phát triển. Với những nước chậm phát triển, đói nghèo đang là vấn đề nhức nhối, một thách thức lớn đối với sự phát triển của mỗi quốc gia. Đói nghèo không chỉ là vấn đề kinh tế đơn thuần mà còn liên quan đến các vấn đề về chính trị, văn hóa, xã hội và tính nhân đạo trong cuộc sống. Nghèo cũng là sự phản ánh tình trạng của sự bất công, bất bình đẳng trong xã hội, biểu hiện ra ở phân tầng xã hội, phân hoá giai cấp và phân cực xã hội. Đói nghèo là nguyên nhân chủ yếu gây ra thất học, bệnh tật và thậm chí còn gây ra tội phạm, bạo lực, mất an ninh xã hội. Nó không những mang lại hậu quả kinh tế, xã hội

ngghiêm trọng mà còn là nguyên nhân quan trọng của xung đột vũ trang, mất ổn định và tàn phá môi trường sinh thái. Kinh tế thị trường khoảng cách giàu nghèo ắt có nảy sinh. Nhưng sự bền vững của phát triển ở tất cả các nước, và hơn thế nữa định hướng XHCN, không chấp nhận khoảng cách giàu nghèo đi vào phân cực quá một ngưỡng cho phép. Sự phân cực quá mức sẽ ảnh hưởng lớn đến tình hình ổn định trật tự của một đất nước. Do đó, giải quyết vấn đề XĐGN và kéo ngắn khoảng cách giàu nghèo sẽ trở thành cấp bách và xuyên suốt tiến trình phát triển.

1.1.1.2. Khái niệm tín dụng ưu đãi:

Tín dụng ưu đãi: *Đó là việc sử dụng các nguồn lực tài chính do Nhà nước huy động, cho người nghèo và các đối tượng chính sách vay theo một chính sách ưu đãi nhất định, để người nghèo và các đối tượng chính sách khác dùng vào sản xuất kinh doanh, cải thiện đời sống, góp phần thực hiện mục tiêu quốc gia về xóa đói giảm nghèo, ổn định xã hội và phát triển kinh tế.*

1.1.2. Đặc trưng cơ bản tín dụng ưu đãi: (Sự khác biệt của tín dụng ưu đãi so với tín dụng thông thường khác).

- Mục tiêu của tín dụng ưu đãi không vì lợi nhuận, vì mục tiêu xóa đói giảm nghèo và an sinh xã hội. Mục tiêu hoạt động của tín dụng thương mại là vì lợi nhuận.

- Khách hàng của cho vay tín dụng ưu đãi là hộ nghèo và các đối tượng chính sách, không cần thế chấp tài sản. Còn khách hàng cho vay của tín dụng thương mại hầu hết là những hộ có mức thu nhập từ trung bình trở lên, có tài sản thế chấp. Là những khách hàng được ngân hàng thương mại lựa chọn để cho vay.

- Lãi suất cho vay theo quy định của Chính phủ cho từng chương trình và từng thời điểm, ưu đãi thấp hơn nhiều so với tín dụng thương mại; còn lãi suất của tín dụng thương mại theo thỏa thuận và theo quy luật của thị trường.

- Phương thức cho vay tín dụng ưu đãi theo phương thức xã hội hóa một cách sâu sắc, ủy thác bán phần cho các tổ chức chính trị - xã hội Tín dụng thương mại trực tiếp cho vay....

- Mức cho vay của tín dụng ưu đãi đa phần là những món nhỏ dưới 30 triệu đồng/món vay và không phải thế chấp tài sản. Tín dụng thương mại thì ngược lại: món vay lớn và phải có tài sản thế chấp....

1.1.3. Vai trò tín dụng ưu đãi:

1.1.3.1. Vai trò làm đầu mối để huy động mọi nguồn vốn dành cho người nghèo.

1.1.3.2. Tín dụng góp phần cải thiện thị trường tài chính nông thôn, đảm bảo nâng cao cuộc sống tinh thần vật chất cho người nông dân.

1.1.3.3. Tín dụng đã góp phần tận dụng khai thác mọi tiềm năng về đất đai, lao động và tài nguyên thiên nhiên.

1.1.3.4. Tín dụng tạo điều kiện phát triển ngành nghề truyền thống, ngành nghề mới, góp phần giải quyết việc làm cho người lao động trong nông thôn.

1.1.3.5. Tín dụng đã tạo cho người dân không ngừng nâng cao trình độ sản xuất, tăng cường hạch toán kinh tế đồng thời tạo tâm lý tiết kiệm tiêu dùng.

1.2. NỘI DUNG MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHCSXH:

1.2.1. Khái niệm và nguyên tắc mở rộng tín dụng:

1.2.1.1. Khái niệm:

Mở rộng tín dụng ưu đãi NHCSXH là việc mở rộng trên tất cả mọi lĩnh vực: về phạm vi, không gian, thời gian, về quy mô hoạt động, về số lượng khách hàng thụ hưởng, thời hạn cho vay, về đối tượng vay, về địa bàn, ngành nghề. Ngoài ra còn mở rộng các chương trình cho vay, về các đơn vị nhận ủy thác, về mức cho vay bình quân/hộ, tổ chức, nhận sự, mạng lưới, công nghệ thông tin...

1.2.1.2. Nguyên tắc mở rộng tín dụng:

* Khách hàng cam kết trả nợ gốc và lãi theo đúng cam kết với ngân hàng.

* Khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích.

* Phải đúng đối tượng thụ hưởng.

* Theo định hướng, mục tiêu phát triển kinh tế, an sinh xã hội của Chính phủ.

1.2.2. Các nội dung mở rộng:

1.2.2.1. Mở rộng cơ chế tín dụng:

Thời gian: Theo thỏa thuận giữa NHCSXH và khách hàng trên cơ sở dự án xin vay và tính chất nguồn vốn.

Lãi suất : NHCSXH áp dụng mức lãi suất ưu đãi, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của hộ vay theo từng thời điểm. Mức lãi suất do Chính phủ quy định theo từng thời kỳ, từng chương trình cho vay và từng đối tượng cụ thể.

Mức vay: Được quy định phù hợp với khả năng sử dụng vốn vay đối với từng đối tượng cụ thể. Mức vay tối đa do Chính phủ quy định cho từng chương trình và đối tượng cụ thể.

Phương thức cho vay: Có rất nhiều các phương thức cho vay khác nhau. Tuy nhiên để lựa chọn một phương thức sao cho phù hợp với hoạt động đặc thù của NHCSXH là một khó khăn, cần có kinh nghiệm thực tế và tính sáng tạo.

1.2.2.2. Mở rộng theo đối tượng khách hàng gắn với các chương trình cho vay:

Đây là nội dung quan trọng của nội dung mở rộng tín dụng ưu đãi. Mỗi chương trình phục vụ cho một loại đối tượng khách hàng riêng biệt. Khi có phát sinh đối tượng cần vay vốn thì Chính phủ có quyết định chương trình vay vốn phục vụ cho đối tượng đó. Cả nước hiện nay đang thực hiện 18 chương trình cho vay.

1.2.2.3. Mở rộng theo địa bàn, ngành nghề:

a. Theo địa bàn: Theo vùng, miền, lĩnh vực phân theo địa giới hành chính. Đầu tư cho vùng nông thôn, thành thị, vùng khó khăn, vùng định canh định cư, vùng ngập lũ; vùng Tây nguyên, miền trung, đồng bằng, trung du, miền núi, biên giới...

b. Theo ngành nghề: Ngành nghề sử dụng nhiều lao động phổ thông, lao động chân tay mục đích tạo việc làm, nâng thu nhập cho hộ nghèo, hộ chính sách; ngành nghề cần bảo tồn... Về công nghiệp, về dịch vụ, về nông, lâm, ngư nghiệp...

1.2.3. Các chỉ tiêu đánh giá:

Kết quả mở rộng tín dụng ưu đãi được đánh giá bằng rất nhiều các tiêu thức khác nhau.

1.2.3.1. Tỷ trọng các chương trình cho vay trong tổng dư nợ:

$$\text{Tỷ trọng dư nợ chương trình} = \frac{\text{Dư nợ từng chương trình}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

1.2.3.2. Mức độ tăng trưởng dư nợ:

$$\text{Mức độ tăng trưởng dư nợ} = \frac{\text{Dư nợ cuối kỳ} - \text{Dư nợ đầu kỳ}}{\text{Dư nợ đầu kỳ}} \times 100\%$$

1.2.3.3. Tốc độ tăng trưởng khách hàng:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng KH} = \frac{\text{Số lượng KH đầu kỳ} - \text{Số lượng KH cuối kỳ}}{\text{Số lượng KH đầu kỳ}} \times 100\%$$

1.2.3.4. Chất lượng tín dụng:

$$\text{Tỷ lệ nợ quá hạn} = \frac{\text{Dư nợ quá hạn}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

1.2.3.5. Phương thức cho vay:

$$\text{Tỷ lệ cho vay ủy thác} = \frac{\text{Tổng dư nợ cho vay ủy thác}}{\text{Tổng dư nợ}} \times 100\%$$

1.2.3.6. Mức dư nợ bình quân của một hộ vay vốn:

$$\text{Mức dư nợ bình quân/hộ} = \frac{\text{Tổng dư nợ}}{\text{Tổng số hộ vay vốn}}$$

1.3. CÁC NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI CỦA NHCSXH:

1.3.1. Các nhân tố bên trong NHCSXH:

1.3.1.1. Năng lực về vốn:

1.3.1.2. Đội ngũ cán bộ:

1.3.1.3. Kỹ thuật và công nghệ:

1.3.1.4. Mạng lưới hoạt động:

1.3.2. Các nhân tố bên ngoài NHCSXH:

1.3.2.1. Môi trường kinh tế, chính trị - xã hội:

1.3.2.2. Môi trường chính sách và pháp luật:

1.4. BÀI HỌC KINH NGHIỆM ĐỐI VỚI VIỆT NAM:

1.4.1. Kinh nghiệm của một số nước:

1.4.1.1. Kinh nghiệm về cung cấp vốn cho hộ nghèo ở Trung quốc:

1.4.1.2. Kinh nghiệm cấp tín dụng đối với người nghèo ở Bangladesh.

1.4.2. Bài học kinh nghiệm đối với Việt nam:

- Trước hết là nhận thức trách nhiệm và quyết tâm cao của cấp ủy, chính quyền địa phương, các tổ chức đoàn thể và của chính người nghèo. Từ chuyển biến nhận thức đã tạo và tăng đầu tư nguồn lực.

- Đa dạng hóa nguồn lực Nhà nước, cộng đồng dân cư, hỗ trợ của các tổ chức trong và ngoài nước. Trước hết và chủ yếu là chủ động phát huy nguồn lực tại chỗ.

- Thành lập riêng biệt một Ngân hàng, chuyên cấp tín dụng ưu đãi phục vụ cho mục tiêu XDGN...

CHƯƠNG 2 : THỰC TRẠNG MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI CHI NHÁNH NHCSXH TỈNH ĐẮK LẮK

2.1. KHÁI QUÁT VỀ NHCSXH TỈNH ĐẮK LẮK:

2.1.1. *Thực trạng hộ nghèo và các đối tượng chính sách của Tỉnh:*

Thời gian qua tỉnh Đắk Lắk đã đẩy mạnh công tác XDGN một cách toàn diện, giảm nhanh tỷ lệ hộ nghèo từ 27.55% cuối năm 2005 xuống còn gần 13% cuối năm 2009. Tuy nhiên, số lượng hộ nghèo đến cuối năm 2009 vẫn còn lớn : 57.033 hộ, trong đó hộ nghèo khu vực nông thôn : 50.553 hộ chiếm 88.6%. Tập trung nhiều nhất là hộ nghèo ĐBDTTS : 29.187 hộ chiếm 58% so với tổng số hộ nghèo toàn tỉnh.

2.1.2. *Quá trình hình thành và phát triển:*

Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk được thành lập theo Quyết định số 155/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 7 năm 2003 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội (HĐQT-NHCSXH) trên cơ sở tổ chức lại Ngân hàng Phục vụ Người nghèo, tách ra từ NHNo & PTNT.

2.1.3. *Cơ cấu tổ chức và bộ máy hoạt động:*

Mô hình hoạt động của chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Lắk là do 4 bộ phận tạo nên:

- Bộ phận quản lý; Bộ phận điều hành; Các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ TK&VV.

2.2. THỰC TRẠNG MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI CHI NHÁNH NHCSXH 5 NĂM QUA (2005-2009):

Việc phân loại thực trạng mở rộng nhằm mục đích phân tích toàn bộ hoạt động của NHCSXH trên mọi khía cạnh, đưa ra một thực

trạng khách quan nhất, đầy đủ nhất, làm cơ sở đưa ra những giải pháp thiết thực nhất, đưa hoạt động tín dụng ưu đãi phát huy hiệu quả một cách tối ưu nhất.

2.2.1. Thực trạng về cơ chế tín dụng:

2.2.1.1. Điều kiện vay vốn:

2.2.1.2. Nguyên tắc vay vốn:

2.2.1.3. Thời hạn vay vốn:

Cho vay trung và dài hạn chiếm ưu thế, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của hộ vay. Tuy nhiên, nguồn vốn lại thiếu tính ổn định và lâu dài, không thể lấy vốn ngắn hạn cho vay dài hạn được, cần có chiến lược vốn dài hạn để phục vụ nhu cầu cho vay dài hạn của khách hàng.

2.2.1.4. Lãi suất cho vay:

Lãi suất cho vay ngày càng được mở rộng biên độ, phù hợp với từng chương trình cho vay phục vụ cho từng đối tượng cụ thể.

2.2.1.5. Mức cho vay:

Mức cho vay được xác định căn cứ vào nhu cầu vay vốn, vốn tự có và khả năng hoàn trả nợ của hộ vay. Mức cho vay tối đa đối với một hộ do HĐQT NHCSXH quyết định và công bố từng thời kỳ. Hiện mức vay tối đa đối với một hộ vay không thể chấp tài sản là không quá 30 triệu đồng. Có thể chấp tài sản đối với hộ SXKD và hộ thương nhân vùng khó khăn tối đa là 100 triệu đồng; 500 triệu đồng đối với người vay là tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp. Tuy nhiên mức vay bình quân còn thấp.

2.2.1.6. Quy trình vay vốn:

Quy trình vay vốn tuy đã được cải tiến song còn nhiều bất cập, qua nhiều cầu cấp trung gian, hơn nữa vốn tín dụng ưu đãi cho nên rất nhạy cảm và dễ nảy sinh tiêu cực.

2.2.2. Thực trạng về huy động vốn:

Nguồn vốn để cho vay của yếu từ ngân sách. Nguồn vốn huy động trên thị trường hạn chế.

2.2.3. Thực trạng về hoạt động cho vay:

2.2.3.1. Cho vay theo chương trình:

Các chương trình cho vay ngày càng được mở rộng, tăng trưởng và phát triển. Nếu như năm 2005 và 2006 chỉ cho vay 5 chương trình, thì đến năm 2007 và 2008 là 7 chương trình. Đến năm 2009 thực hiện cho vay 9 chương trình. Các năm đầu chủ yếu tập trung vào cho vay hộ nghèo và cho vay giải quyết việc làm. Các năm sau đó giảm dần về tỷ trọng, nhường chỗ cho một số chương trình mới đó là cho vay HSSV; cho vay hộ SXKD VKK; cho vay NSVSMTNT.

2.2.3.2. Thực trạng theo phương thức cho vay:

Phương thức cho vay của NHCSXH đã được khẳng định tại Nghị định 78 của Chính phủ là thực hiện ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức chính trị xã hội theo hợp đồng ủy thác hoặc cho vay trực tiếp để người vay. Hoạt động ủy thác ngày càng được mở rộng dư nợ tăng trưởng mạnh và đều qua các năm.

2.2.3.3. Mở rộng theo đối tượng vay vốn:

Việc mở rộng tín dụng ưu đãi tập trung ở mở rộng đối tượng thụ hưởng. Nếu như trước đây, NHCSXH chỉ cho vay 1 chương trình, 1 đối tượng duy nhất đó là hộ nghèo. Đến nay cả nước đã có

18 chương trình, phục vụ cho các đối tượng khác nhau. Tại NHCSXH tỉnh Đắk Lắk đang thực hiện 9 chương trình với rất nhiều các đối tượng khác nhau.

2.2.3.4. Thực trạng mở rộng theo địa bàn, ngành nghề:

Đầu tư tín dụng chủ yếu nằm tại vùng nông thôn chiếm tỷ trọng gần 85% năm 2009; đầu tư vào sản xuất và chăn nuôi, hai ngành này chiếm tỷ trọng 92.2%. Xu hướng trong những năm gần đây, bắt đầu có di chuyển sang địa bàn thành thị, đầu tư cũng chuyển dịch sang lĩnh vực cho vay tiêu dùng, dịch vụ.

Qua tất cả các bảng số liệu, cho chúng ta thấy được tổng quan hoạt động của NHCSXH, thực trạng rất cụ thể, xu hướng phát triển và mở rộng cũng rất rõ ràng.

2.2.4. Đánh giá chung:

2.2.4.1. Thành công:

Nếu hiệu quả của các Ngân hàng thương mại là lợi nhuận, thì hiệu quả của NHCSXH thể hiện trên cả 2 mặt kinh tế và xã hội, trong đó đánh giá cao về mặt xã hội.

Hiệu quả về mặt kinh tế :

Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Đắk Lắk phục vụ lợi ích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà thông qua việc hỗ trợ một phần vốn qua chính sách tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, thực hiện mục tiêu XDGN và kích thích sự phát triển nông nghiệp nông thôn, giảm dần khoảng cách giàu nghèo.

Hiệu quả về mặt xã hội

Việc thành lập NHCSXH là một chủ trương sáng suốt, hợp ý đảng lòng dân, thể hiện đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước trong việc phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ

nghĩa, tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là giải pháp cụ thể góp phần ổn định kinh tế chính trị xã hội, thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ và văn minh. Với những kết quả đạt được tín dụng đối với hộ nghèo đã thực sự đóng vai trò trung gian cầu nối củng cố khối liên minh công nông, đồng thời đã huy động được sức mạnh tổng hợp của các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức chính trị từ tỉnh đến cơ sở cùng với NHCSXH đưa nguồn vốn tín dụng ưu đãi đến với hộ nghèo, thể hiện tính nhân văn của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, là một chiến lược lâu dài, một quyết sách và một chương trình hành động quan trọng.

2.2.4.2. Hạn chế:

Nguồn vốn: Thiếu tính chủ động và luôn trong tình trạng khan vốn nên vốn đầu tư thường chậm so với mùa vụ.

Đối tượng: Còn bó hẹp và cứng nhắc, cần được mở rộng thêm nhất là khách hàng tiềm năng.

Tính xã hội hóa: Quá nhiều người, ban, ngành, đoàn thể... cùng tham gia quản lý vốn tín dụng ưu đãi nên việc buông lỏng quản lý ở từng nơi, từng lúc là khó tránh khỏi.

Lãi suất cho vay: Còn bao cấp quá nhiều, tạo sự ỷ lại vào Nhà nước, kém linh hoạt trong tính toán đầu tư, suất cho vay nhỏ lẻ, dư nợ bình quân thấp, đầu tư còn dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm, đối tượng vay đã mở rộng song vốn đầu tư lại hạn chế...

2.2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế:

** Trước hết nói về nguyên nhân chủ quan:*

Cơ chế tạo lập nguồn vốn, cơ chế về tài chính cho NHCSXH chưa chủ động trong hoạt động. Việc xem xét quyết định chuẩn

nghèo còn chậm nên chưa phù hợp với thực tế; xử lý các khoản nợ xấu kéo dài và thiếu dứt điểm. Hoạt động của Ban đại diện các cấp kiêm nhiệm, do vậy việc kiểm tra giám sát thực hiện chưa đầy đủ; việc xác nhận đối tượng vay còn thiếu chính xác, mang tính cả nể; xử lý các trường hợp tiêu cực của tổ trưởng, cán bộ thuộc địa phương quản lý chưa nghiêm, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân; công tác tuyên truyền phổ biến các chính sách tín dụng ưu đãi chưa được quan tâm đúng mức; Trách nhiệm từ các tổ chức chính trị xã hội nhận ủy thác; của Tổ TK&VV trong việc thực hiện các văn bản thỏa thuận, hợp đồng ủy thác và ủy nhiệm còn lỏng lẻo; việc kiểm tra, giám sát quản lý hoạt động của tổ chưa thường xuyên và thiếu chặt chẽ; Hộ vay tâm lý thụ động, trông chờ vào sự cấp phát của Nhà nước.

** Nguyên nhân khách quan.*

Đắk Lắk là tỉnh có nhiều dân tộc cùng sinh sống, phong tục tập quán lạc hậu, đa tôn giáo, tín ngưỡng, tình hình an ninh chính trị còn tiềm ẩn sự bất ổn định, nhiều năm qua do áp lực của di dân tự do và phong tục sống du canh, du cư của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ mà hầu hết là những hộ nghèo và hộ khó khăn, kéo theo nạn chặt phá rừng, cạn kiệt tài nguyên, tàn phá môi trường sinh thái...nên tỷ lệ hộ nghèo cao, nhất là tỷ lệ hộ nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ. Phần đông sống trong hoàn cảnh bị tách biệt về mặt địa lý, dân tộc, ngôn ngữ, xã hội và kinh tế do vậy lợi ích thực sự của tăng trưởng kinh tế ít đến được với các nhóm người chịu thiệt thòi này.

CHƯƠNG 3 : GIẢI PHÁP MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI CHI NHÁNH NHCSXH TỈNH ĐẮK LẮK

3.1. CÁC CĂN CỨ ĐỀ XUẤT:

3.1.1. Định hướng của Đảng và Nhà nước đối với hoạt động của NHCSXH:

3.1.2. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 17/6/2009 Thủ tướng Chính phủ ra quyết định số 87/2009/QĐ-TTg phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế-xã hội tỉnh Đắk Lắk thời kỳ đến năm 2020. Một số mục tiêu cụ thể có liên quan như sau:

Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế đến năm 2015 tỷ trọng các ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm khoảng 35-36%; công nghiệp-xây dựng chiếm khoảng 27-28% và khu vực dịch vụ chiếm khoảng 36-37%. Đến năm 2020, tỷ trọng nông nghiệp giảm xuống còn 25-26%; công nghiệp đạt khoảng 34-35% và dịch vụ đạt khoảng 41%.

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội cơ bản, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 10% vào năm 2010 và đến năm 2020 về cơ bản không còn hộ nghèo.

3.1.3. Định hướng và mục tiêu mở rộng tín dụng ưu đãi của Chi nhánh NHCSXH tỉnh Đắk Lắk:

Phần đầu đạt mức tăng trưởng dư nợ chung cho các chương trình (bao gồm cả chương trình cho vay học sinh, sinh viên) trong giai đoạn 2010 - 2015 khoảng 30 - 35%/năm. Tổng dư nợ cuối năm 2015 khoảng 10.000 tỷ đồng. Nâng mức cho vay bình quân/hộ lên 30 triệu đồng/hộ vay vốn; mở rộng cho vay vùng khó khăn; cho vay HSSV; cho vay nước sạch và VSMT nông thôn; cho vay đào tạo

nghề; cho vay hộ cận nghèo; riêng cho vay hộ nghèo trong thời gian tới nâng mức vay vì đối tượng đủ điều kiện vay vốn đã thực hiện 100%; đầu tư thay đổi cơ cấu ngành: Trồng trọt và chăn nuôi khoảng 80%; tiêu dùng và TMDV là 20%.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP MỞ RỘNG TÍN DỤNG ƯU ĐÃI TẠI CHI NHÁNH NHCSXH TỈNH ĐẮK LẮK:

3.2.1. Giải pháp về cơ chế cho vay:

3.2.1.1. Về phương thức cho vay:

Tiếp tục duy trì phương thức cho vay uỷ thác từng phần qua các tổ chức trình tự- xã hội, vì các tổ chức này đã có mạng lưới sẵn ở khắp các xã, phường, thôn, bản là cánh tay đắc lực giúp Chi nhánh tiếp cận được hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác một cách nhanh nhất và hiệu quả nhất cả về kinh tế và xã hội. Để nâng cao chất lượng hoạt động uỷ thác của các tổ chức chính trị xã hội, chi nhánh không ngừng nâng cao công tác đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ Hội đoàn thể thực hiện công tác này. Bên cạnh công tác đào tạo tập huấn, cần xây dựng các mô hình thí điểm trình diễn để học tập phổ biến kinh nghiệm giữa các tổ chức hội, giữa các địa phương trên toàn tỉnh.

Do quy mô hoạt động ngày càng mở rộng, vốn tín dụng ưu đãi ngày một tăng trưởng và phát triển, hoạt động chính của các Hội đoàn thể nhận uỷ thác vẫn là công tác hội, hoạt động nhận uỷ thác của NHCSXH chỉ là thêm việc và kiêm nhiệm, do vậy sẽ dẫn đến hiện tượng quá tải. Chính vì vậy, cùng với sự mở rộng tín dụng ưu đãi, cần mở rộng các đơn vị nhận uỷ thác để tránh bớt trường hợp quá tải, đồng thời nhiều đơn vị nhận uỷ thác sẽ tạo lên một môi trường uỷ thác cạnh tranh, lành mạnh, giúp cho việc quản lý nguồn

vốn tín dụng ngày càng chặt chẽ và hiệu quả hơn. Trước mắt có thể xem xét đến các tổ chức chính trị, xã hội có mạng lưới chân rết đến tận thôn, buôn như: Mặt trận tổ quốc, dân số...

3.2.1.2. Về mức vay và thời hạn vay:

Thời hạn vay: Theo khảo sát đây là vấn đề mà người vay vốn từ NHCSXH đặc biệt quan tâm, chỉ đứng sau mức vay. Điều này cũng rất phù hợp với trình độ nhận thức, khả năng tiếp cận nguồn vốn, cách thức sử dụng vốn để có thêm thu nhập. Thực tế nếu cho vay ngắn hạn, nguồn vốn không ổn định, hộ vay lo trả nợ khi đến hạn, trường hợp khó khăn đi vay nóng dẫn đến tình trạng đã khó khăn lại càng khó khăn hơn. Hiện nay cũng đang thực hiện cho vay chủ yếu là trung dài hạn, trong thời gian tới cần nâng thêm tỷ lệ cho vay trung dài hạn và tiến tới toàn bộ cho vay trung dài hạn. Để là được điều này thì NHCSXH phải có nguồn vốn ổn định trong thời gian dài.

Mức vay: Dư nợ bình quân/hộ hiện nay gần 10 triệu đồng/hộ là rất thấp. Mức vay dưới 10 triệu đồng còn rất nhiều, mức vay trên 20 triệu đồng rất ít. Đây là chỉ tiêu cơ bản để đánh giá hiệu quả mở rộng tín dụng ưu đãi. So với mặt bằng giá cả hiện nay, số tiền đó không đủ để tạo ra việc làm hay đầu tư thì manh mún, không đồng bộ, dẫn đến năng suất kém. Cần nâng mức vay bình quân lên 20 triệu đồng trong thời gian tới.

3.2.1.3. Về lãi suất cho vay:

Để hoạt động tài chính của NHCSXH ổn định, phát triển bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế và ngày càng giảm dần sự phụ thuộc vào nguồn tài chính của Ngân sách Nhà nước. NHCSXH cần xây dựng lộ trình giảm dần và tiến tới xoá bỏ hoàn toàn sự ưu đãi về lãi

suất cho vay, sự ưu đãi ở đây chỉ còn là ưu đãi về thủ tục vay vốn, ưu đãi về điều kiện vay, ưu đãi về thời hạn vay.

3.2.2. Giải pháp để mở rộng các chương trình cho vay gắn với từng đối tượng khách hàng thụ hưởng cụ thể:

Nội dung này hết sức quan trọng mang tính quyết định cho việc mở rộng tín dụng, khi phát sinh đối tượng mới cần được giúp đỡ bằng vốn thì sẽ có những chương trình cho vay mới đáp ứng. Trong quá trình hội nhập, kinh tế phát triển kéo theo nhiều vấn đề xã hội nảy sinh cần được quan tâm giải quyết. Theo quy luật thị trường “Ở đâu có cầu ở đó ắt có cung”. Về đối tượng vay vốn của NHCSXH do Chính phủ quy định dựa trên nhu cầu thực tiễn của người dân. Có thể tại thời điểm này chưa cấp bách hoặc chưa đủ điều kiện thực hiện, nhưng đến thời gian sau, theo từng giai đoạn lịch sử sẽ cần thực hiện ngay. Cuộc sống luôn vận động, các đối tượng mới luôn thay đổi và phát sinh kéo theo các chương trình cho vay mới sẽ ra đời để phục vụ. Đây là một vấn đề tất yếu cần giải quyết nhằm giảm nghèo và rút ngắn khoảng cách giàu nghèo.

Việc mở rộng khách hàng vay vốn là rất quan trọng, bởi nếu không mở rộng đối tượng vay, không nâng suất đầu tư thì sẽ không thể mở rộng và tăng trưởng tín dụng được.

3.2.2.1. Khách hàng là hộ nghèo:

Đây là khách hàng chủ yếu và truyền thống của NHCSXH. Hiện nay trên cả nước về cơ bản các hộ nghèo đều đã được tiếp cận với nguồn vốn cho vay hộ nghèo. Một hộ nghèo được vay rất nhiều chương trình: Ngoài cho vay hộ nghèo còn được vay HSSV; XKLD; Nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn; cho vay hỗ trợ người nghèo về nhà ở; cho vay hộ đồng bào DTTS đặc biệt khó khăn...

3.2.2.2. Khách hàng là hộ cận nghèo, hộ thuộc vùng khó khăn:

Hiện nay, số hộ này là rất nhiều, trước mắt cần phục vụ những hộ cận nghèo trước; sau đó đến các hộ trung bình thuộc vùng khó khăn. Các hộ khá giả nên vay ở các NHTM. Để thực hiện được việc này, NHCSXH cần căn cứ vào nguồn lực hiện có để xây dựng kế hoạch phục vụ cả về vốn, về nhân lực, cơ sở vật chất để phục vụ và quản lý.

3.2.2.3. Khách hàng là hộ chính sách:

Hiện nay số hộ này ngày càng ít đi, chiến tranh đã đi xa, các đối tượng được hưởng đã già cả hoặc đã chết, các trường hợp khiếm khuyết, bị tật, cũng ít đi. Do vậy, với đối tượng này cần xem xét đến khả năng sử dụng vốn vay của từng trường hợp cụ thể để nâng suất vay lên.

3.2.2.4. Khách hàng là tổ chức kinh tế:

Đây là đối tượng khách hàng tiềm năng của NHCSXH. Hướng đến nhóm khách hàng này có nghĩa là NHCSXH đã cải tiến được một bước trong cách nhìn nhận một NHCSXH đúng nghĩa hơn. Khả năng tự chủ về tài chính cao hơn, mức cho vay lớn hơn, quy mô hoạt động rộng hơn.

Ngoài 9 chương trình và các đối tượng khách hàng vay hiện đang phục vụ đó là: Hộ nghèo; Hộ đồng bào DTTS ĐBKK; HSSV; Giải quyết việc làm; XKLD; Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Cho vay hộ SXKD và thương nhân thuộc vùng khó khăn. Xét từ nhu cầu thực tế, để phục vụ mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và phát triển kinh tế; trong thời gian tới cần mở rộng thêm đối tượng đào tạo nghề cho lao động ở nông thôn; hộ khó khăn hay còn gọi là hộ cận nghèo; các cơ sở, các Hợp tác xã, các

doanh nghiệp vừa và nhỏ đóng tại vùng khó khăn mở rộng quy mô SXKD, TMDV để sử dụng lao động đã qua đào tạo...

3.2.3. Giải pháp để mở rộng về địa bàn, ngành nghề:

3.2.3.1. Về địa bàn:

Hiện nay, NHCSXH cho vay ở vùng nông nghiệp, nông thôn là chủ yếu. Bởi tất cả các đối tượng phục vụ của NHCSXH đều tập trung ở nông thôn. Địa bàn nông thôn là địa bàn hoạt động chính của NHCSXH. Hướng đầu tư phát triển mở rộng tín dụng tập trung vào vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, vùng căn cứ cách mạng, miền núi, hải đảo... Tại Tỉnh hiện nay có một thành phố loại I trực thuộc tỉnh và một thị xã, tuy nhiên dư nợ ít, tập trung ở một số xã vùng ven, cho vay trong thành phố, thị xã chủ yếu là buôn bán nhỏ. Do vậy cần mở rộng đối tượng vay ở vùng thành thị, đối tượng tập trung vào dịch vụ, buôn bán nhỏ và cho vay sinh hoạt. Ngoài ra cần có những cơ sở đào tạo nghề, cơ sở sản xuất kinh doanh dành cho lao động phổ thông nhằm tạo việc làm...

3.2.3.2. Về ngành nghề:

Trọng tâm vẫn là trồng trọt, chăn nuôi. Tuy nhiên theo định hướng phát triển kinh tế của tỉnh giảm cơ cấu nông nghiệp, tăng công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Hoạt động NHCSXH có đặc thù riêng, song vẫn phải nằm trong định hướng phát triển kinh tế. Giảm dần đầu tư vào trồng trọt, chăn nuôi. Tăng dần cho vay sinh hoạt, cho vay thương mại dịch vụ.

3.2.4. Một số giải pháp hỗ trợ khác:

3.2.4.1. Giải pháp tăng trưởng nguồn vốn một cách vững chắc nhằm đáp ứng nhu cầu của hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

* *Nguồn vốn từ ngân sách:* Muốn mở rộng tín dụng thì cần phải có vốn, nhưng nguồn vốn của NHCSXH hiện nay thiếu chủ động và chưa đáp ứng được nhu cầu. Hàng năm Chính phủ dành nguồn vốn thích đáng dành cho tín dụng ưu đãi đồng thời có chỉ định cụ thể cho từng tỉnh trong việc thực hiện trách nhiệm trích từ nguồn tăng thu giảm chi để chuyển sang ủy thác cho NHCSXH. Các tổ chức tín dụng trích 2%/nguồn vốn huy động chuyển sang gửi tại NHCSXH để tạo lập nguồn vốn dành cho mục tiêu XDGN.

* *Nguồn vốn huy động:* Cần có cơ chế như các NHTM để NHCSXH chủ động huy động vốn.

3.2.4.2. Mở rộng tín dụng gắn với phát triển nguồn nhân lực và hiện đại hoá công nghệ ngân hàng:

Chuẩn hóa tiêu chuẩn tuyển dụng, sàng lọc cán bộ vừa có tâm, vừa có tài làm công tác cấp tín dụng ưu đãi. Có chế độ đãi ngộ và thường xuyên đào tạo tay nghề.

Dành nguồn vốn thích đáng đầu tư công nghệ hiện đại.

3.3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC THI CÁC GIẢI PHÁP:

3.3.1. Đối với Hội sở chính:

3.3.2. Đối với chính quyền địa phương:

3.3.3. Đối với các Hội đoàn thể nhận ủy thác:

KẾT LUẬN

Thành lập NHCSXH nhằm tách tín dụng chính sách ra khỏi tín dụng thương mại là một chủ trương đúng đắn của Chính phủ phù hợp với tiến trình hội nhập và phù hợp với tình hình thực tiễn công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế Việt nam theo định hướng XHCN. Để đạt được mục đích nói trên thì việc phát triển và mở rộng hoạt động tín dụng ưu đãi là rất cấp bách. Chất lượng, hiệu quả, an toàn trong hoạt động mở rộng tín dụng ưu đãi là điều kiện để tồn tại, phát triển và hội nhập.

Tuy nhiên đây là một vấn đề hết sức khó khăn và phức tạp, không phải một sớm, một chiều mà đòi hỏi cần có thời gian, cần có sự thống nhất tập trung chỉ đạo đồng bộ bởi nó liên quan đến nhiều cấp, nhiều ngành bên trong và bên ngoài NHCSXH, cần sự nỗ lực và quyết tâm từ nhiều phía. Vì vậy đòi hỏi nghiên cứu một cách sâu sắc và nghiêm túc.

NHCSXH là một mô hình mới ở Việt nam nên việc mở rộng tín dụng ưu đãi cũng mang tính đặc thù cao, không theo khuôn mẫu và cũng chưa có trong tiền lệ. Do vậy, căn cứ vào tình hình diễn biến của đất nước, vào kinh nghiệm thực tế qua các năm, Chính phủ sẽ có quyết sách, định hướng mở rộng tín dụng ưu đãi cho hoạt động của NHCSXH.